TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15 – 8 - 2025
V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ TĨNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Minh Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Từ Hữu Yên, ông Nguyễn Duy Minh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 04/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2025 về việc *"Xin ly hôn*"; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Hữu Đ, sinh năm 1959

Trú tại: Số 625 Đường Nguyễn Huệ, tổ 4, Khu phố 3, phường Tân Đồng, TP Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (Nay là Số 625. Đường Nguyễn Huệ, tổ 4, Khu phố 3, P. Bình Phước, tỉnh Đồng Nai)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1963

Trú tại: Thôn 6, xã Cẩm Quang (nay là xã Cẩm Xuyên), tỉnh Hà Tĩnh.

(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đặng Hữu Đ trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị M có thời gian tìm hiểu ngắn ngủi sau đó đi đến hôn nhân, kết hôn năm 1980 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Cẩm Quang, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh nhưng đã bị thất lạc giấy đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn ông, bà chung sống với nhau không liên tục và đến năm 1996 thì xảy ra mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân. Ông Đ sinh sống và làm việc ở miền Nam còn bà và các con sống ở Hà Tĩnh. Theo ông Đ, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì nhiều nhưng chủ yếu do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm. Hiện tại, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn bà Nguyễn Thị M để hai bên ổn định cuộc sống.

- Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống, ông bà có bốn con chung: Đặng P T, sinh năm 1983; Đặng Thị Ngọc A, sinh năm 1989, Đặng Thị Lệ Thuỷ sinh năm 1991, Đặng

Thị Minh Phươn,g sinh năm 1993. Các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đặng Hữu Đ cưới nhau năm 1980 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân nhau đã nhiều năm. Nay tình cảm vợ chồng không còn, ông Đ xin ly hôn bà đồng ý.

- Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có bốn con chung: Đặng P T, sinh năm 1983; Đặng Thị Ngọc A, sinh năm 1989, Đặng Thị Lệ Thuỷ sinh năm 1991, Đặng Thị Minh P, sinh năm 1993. Các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Hà Tĩnh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký là cơ bản Đ bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227 khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 85, Điều 89, 90 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51; 54, 55; 57 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001; Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; Điều 5, Điều 6, Điều 7 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Đặng Hữu Đ và bà Nguyễn Thị M.

-Về án phí: Đương sự là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu xin ly hôn của ông Đặng Hữu Đ đối với bà Nguyễn Thị M là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình. Bà M có hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại xã Cẩm Quang, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh). Căn cứ quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của

các Tòa án nhân dân, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh.

Quá trình giải quyết vụ án bà M, ông Đ có mặt. Tại phiên toà bà M và ông Đ đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt bà M, ông Đ theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn khai có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Cẩm Quang, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh nhưng qua kiểm tra xác minh tại Uỷ ban nhân dân xã Cẩm Quang thì không có hồ sơ lưu trữ kết hôn của ông Đặng Hữu Đ và bà Nguyễn Thị M. Uỷ ban nhân dân xã Cẩm Quang xác nhận ông Đ, bà M đã sinh sống với nhau từ năm 1980 và có 4 con chung. Như vậy, có căn cứ xác định hôn nhân giữa ông Đặng Hữu Đ và bà Nguyễn Thị M được xác lập năm 1980, hai bên đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và chung sống tại địa P, nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo hướng dẫn tại mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của ông Đ và bà M là hôn nhân thực tế, được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm. Ông, bà sống ly thân nhau từ năm 1995 đến nay, ông Đ sinh sống ở Miền Nam còn mẹ con bà M sống ở Hà Tĩnh, hai bên không quan tâm, chăm sóc nhau. Ông Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn. Bà M cũng thừa nhận vợ chồng sống ly thân đã lâu, không còn tình cảm với nhau, nay ông Đ xin ly hôn bà đồng ý. Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 89, 90 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Đặng Hữu Đ và với bà Nguyễn Thị M.

- Về con chung: Quá trình chung sống, ông Đặng Hữu Đ và bà Nguyễn Thị M có bốn con chung: Đặng P T, sinh năm 1983; Đặng Thị Ngọc A sinh năm 1989, Đặng Thị Lệ Thuỷ sinh năm 1991, Đặng Thị Minh P sinh năm 1993. Các con đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ và bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3] Về án phí: Đương sự là đối tượng người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 85, Điều 89, 90 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Các Điều 51; 54; 55; 57 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001; Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; Điều 5, Điều 6, Điều 7 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP, ngày

27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Đặng Hữu Đ và bà Nguyễn Thị M.

2. Về án phí: Ông Đặng Hữu Đ và bà Nguyễn Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Đặng Hữu Đ và bà Nguyễn Thị M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND khu vực 1 – Hà Tĩnh;
- Cơ quan THA tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Cẩm Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Minh Hiền